

ĐẶC TRƯNG MĨ HỌC CỔ ĐẠI NHẬT BẢN NHÌN TỪ TƯ TƯỞNG MĨ HỌC CỔ ĐIỂN PHƯƠNG ĐÔNG

Hoàng Thị Mỹ Nhi

Viện nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Tóm tắt. Mĩ học Nhật hình thành từ rất sớm, có những nét đặc trưng riêng và trong mối quan hệ với tư tưởng phương Đông. Từ thời cổ đại, các quan niệm thẩm mĩ xuất hiện và luôn có vai trò quan trọng trong định hình phong cách sáng tác của người nghệ sĩ và đời sống văn hóa người Nhật, đặc biệt nở rộ trong văn hóa thời Heian. Mĩ học cổ đại đặt nền tảng vững chắc cho sự phát triển một hệ thống mĩ học Nhật Bản độc đáo và phong phú sau này. Bài báo tập trung làm rõ sự ảnh hưởng của triết học, tôn giáo và tư tưởng phương Đông cũng như sự tiếp biến tài tình của người Nhật để hình thành nên đặc điểm mĩ học riêng có của dân tộc. Ngoài ra, bài báo phân tích những đặc trưng cái đẹp biểu hiện qua đặc điểm như sự khuyết thiếu và dồn nén cảm xúc, gằn gỏi và cao xa, thiêng liêng và trần tục và số phận mong manh. Từ đó, phát hiện những mối quan hệ giữa mĩ học Nhật với nền mĩ học tiêu biểu như Trung Hoa và Ấn Độ. Kết quả nghiên cứu của công trình góp phần làm cơ sở để giải mã đặc tính văn hóa Nhật từ góc nhìn truyền thống.

Từ khóa: quan niệm thẩm mĩ, cái đẹp, Nhật Bản, tư tưởng Phương Đông.

1. Mở đầu

Bắt nguồn từ quốc gia giàu truyền thống văn hóa, mĩ học Nhật Bản hình thành từ rất sớm và phát triển rực rỡ từ thời cổ đại, đặc biệt thời Heian. Quốc gia giàu truyền thống văn hóa được duy trì, bồi đắp và phát triển không ngừng dưới ánh sáng của nền mĩ học lâu đời, tổng hòa giữa các giá trị triết học, tôn giáo, tư tưởng phương Đông qua lăng kính của nền văn hóa cởi mở và biến hóa tài tình. Việc nghiên cứu mĩ học cổ đại Nhật Bản nhằm góp phần khẳng định những giá trị mĩ học đặc trưng riêng có và tỏa bóng ở Châu Á.

Cho đến nay, các vấn đề về tư tưởng phương Đông và mĩ học Nhật Bản được nhiều nhà nghiên cứu thế giới và Việt Nam quan tâm. Trước hết, Lauren Prusinski [1, 53] và Andrijiauskas [2, 201] cho rằng nguồn cội của mĩ học Nhật Bản được gìn giữ từ những yếu tố cơ bản trong sự ý thức sùng bái tự nhiên bắt nguồn từ tôn giáo bản địa Thần đạo và đạo Phật, đạo Lão, đạo Khổng, Mật tông và Thiền tông có sự định hình và làm giàu thêm với những ý niệm mới. Bên cạnh đó, người Nhật Bản hấp thu nhiều thành tựu của văn hóa của Ấn Độ, Trung Quốc và Hàn Quốc. Cuối thế kỉ thứ IX, khi những sự kết nối chính thức bị gián đoạn với Trung Quốc, văn hóa Nhật Bản để trở thành một phần tách biệt của. Theo Izutsu Toshiko văn hóa heian tiếp thu mĩ học Thiền “Thiền đã bổ sung một số đặc tính làm cơ sở cho sự phát triển mĩ học... nhằm làm chuẩn hóa những dạng thức của cái đẹp [3, 198]. Đây là “Thời của hòa bình và phát triển các quan niệm thẩm mĩ, thời Heian đã thoát ra bùng nổ và chú trọng vào “nghệ thuật cảm thụ”, phát triển “đời sống tình cảm” thay vì đời sống chính trị và luân lí” và “Trong nghệ thuật, cuộc sống và tự nhiên ở Nhật thì thời Heian được đánh giá có sự phát triển nổi bật tính đa cảm trong cuộc

Ngày nhận bài: 12/4/2021. Ngày sửa bài: 22/4/2021. Ngày nhận đăng: 3/5/2021.

Tác giả liên hệ: Hoàng Thị Mỹ Nhi. Địa chỉ e-mail: my nhi.vass@gmail.com

sống của giới quý tộc cung đình” [4, 56]. Nhìn chung, các tác giả đều xem mỹ học chịu ảnh hưởng chủ yếu từ văn hóa Trung Hoa cổ đại, đặc biệt là Phật giáo.

Đối với mỹ học Nhật, nhiều công trình nghiên cứu đã có những đánh giá cơ bản đặc tính của nó. Tác giả Nhật Chiêu [5, 7] trình bày khá cụ thể nhiều khái niệm mỹ học Nhật như *aware*, *yugen*, *sabi*, *wabi*, *karumi* và làm rõ đặc trưng của cái đẹp trong văn hóa Nhật thông qua văn học từ thời cổ đại. Tác giả Nguyễn Thị Mai Liên đã có cái nhìn xuyên suốt từ *Vạn điệp tập* đến văn học Heian. Cả hai tác giả đều cho rằng các phạm trù thẩm mỹ trên mang tính khái quát cao và đại diện cho mỹ học cổ đại Nhật Bản. Cùng quan điểm đi kèm trên với Donald Richie [6] đã đưa ra các khái niệm mỹ học cơ bản và khẳng định quan niệm thẩm mỹ *aware* tỏa bóng xuống lịch sử văn hóa, là đại diện tiêu biểu của vẻ đẹp Nhật Bản. Donald Keene [7] cũng đã có khảo sát kỹ và cụ thể hơn từ những tác phẩm văn học cổ khác nhau, tập trung vào *Truyện Genji*. Từ đó, nhà nghiên cứu đã đưa ra những bình giải về *aware* trong hệ thống mỹ học dân tộc.

Như vậy, những công trình liên quan đến sự ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa đối với văn hóa Nhật làm cơ sở và khẳng định quá trình tiếp nhận tôn giáo là con đường chủ yếu người Nhật hấp thu giá trị thẩm mỹ từ nền văn hóa bên ngoài. Từ những khảo sát các công trình của các tác giả tiêu biểu, có thể thấy hầu hết đề cập một cách chung nhất, vẫn chưa có công trình nào hệ thống hóa và phân tích đặc trưng riêng dưới góc nhìn so sánh với tư tưởng phương Đông tiêu biểu như Trung Hoa và Ấn Độ một cách đầy đủ.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Mỹ học Nhật Bản cổ đại tiếp thu triết học, tôn giáo và tư tưởng phương Đông

Nhật Bản là một quốc gia có nền văn hóa lớn và riêng biệt ở Châu Á. Đất nước có quá trình phát triển lịch sử tư tưởng lâu đời và hệ thống mỹ học hình thành lâu đời. Bên cạnh những giá trị thẩm mỹ nguồn, các quan niệm thẩm mỹ của người Nhật nằm trong sự ảnh hưởng của triết học và quan niệm thẩm mỹ phương Đông. Tư tưởng phương Đông có xuất phát từ nền văn minh nông nghiệp, đối tượng hướng đến là tâm linh con người, đề cao cái siêu thức, trạng thái tâm linh vượt qua rào cản ngôn ngữ, tính hệ thống và logic. Chính vì thế, cách diễn đạt tư tưởng thường mơ hồ, theo lối ẩn dụ, hình ảnh mang tính biểu tượng và biểu đạt ý nghĩa chú trọng đến cái tuyệt đối. Thời kỳ cổ đại, mỹ học là một bộ phận của triết học hay còn gọi triết-mỹ bất phân. Triết học phương Đông đặt trọng tâm vào việc giải thích mối quan hệ giữa người với người và đời sống tâm linh của họ, ít quan tâm về mối quan hệ xã hội của con người. Vậy nên, khuynh hướng chung của nó là hướng nội, từ nhân sinh quan để giải thích thế giới quan... Về cơ bản, thế giới quan bao trùm của triết học phương Đông là duy tâm, biện chứng và siêu hình dù vẫn có các yếu tố duy vật.

Bên cạnh đó, các nhà mỹ học trên thế giới đều cho rằng mỹ học là khoa học nghiên cứu tính thẩm mỹ trong thiên nhiên và xã hội. Trong đó, cái đẹp là phạm trù mỹ học cơ bản và trung tâm của mỹ học. Cái đẹp thể hiện ở ba đặc điểm: cái đẹp làm nên khoái cảm tinh thần; cái đẹp liên quan chặt chẽ trực tiếp hoặc gián tiếp đến cái có ích nhưng nó không đồng nhất với cái có ích; cái đẹp phải dựa trên cái thật và cái tốt. Mỹ học phương Đông cũng xem cái đẹp là phạm trù trung tâm của hệ thống mỹ học, được dùng để khái quát những giá trị xã hội của những sự vật, hiện tượng trong đời sống. Cái đẹp được khái quát hóa bằng hình thức cụ thể cảm tính, được con người xã hội cảm thụ bằng giác quan, chất lọc tư tưởng tinh cảm qua các thuật ngữ. Thời cổ đại, các nhà mỹ học Nhật Bản, Trung Hoa bàn về vấn đề mỹ học xem cái đẹp là bản tính tự nhiên của hiện thực khách quan. Đối với nghệ thuật nói chung và văn chương nói riêng về đẹp con người là trung tâm và cũng do con người sáng tạo ra nên phản ánh đời sống thẩm mỹ của con người tác động đến đời sống tinh thần và nhận thức đời sống của con người đối với thế giới. Trong quá trình tiếp nhận văn hóa bên ngoài, người Nhật có sự dung hòa giữa tôn giáo ngoại lai

với tôn giáo bản địa và tín ngưỡng đời sống cư dân hải đảo để làm nên những giá trị văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

Quan niệm thẩm mỹ của người Nhật gắn liền với tôn giáo và tín ngưỡng, đặc biệt là Thần đạo và Phật giáo đại thừa. Lịch sử cho thấy, Phật giáo giao thoa với Thần đạo và có sự biến đổi đáng kể và có sự ảnh hưởng đến thế giới quan và nhân sinh quan của người Nhật trong đó có quan niệm thẩm mỹ. Mặc dù quan niệm của Thần đạo và Phật giáo về con người về thế giới có sự khác biệt rõ nét nhưng người Nhật vẫn có sự dung hợp tài tình. Tín ngưỡng Thần-Phật tập hợp qua thuyết “Bản địa Thủy Tích” (Thần và Phật là đồng nhất) lí giải rằng Phật ngày nay cũng chính là thần ngày trước, Thần hóa thân của Phật, Phật là bản địa của Thần. Do tính chất mặt trời của Phật đại Nhật mà các tín đồ của Chân Ngôn cho là vị thần tối cao của Thần đạo như Amaterasu (nữ thần Mặt Trời) là hiện thân của đại Phật ở Nhật. Đó là cái gốc của Thần đạo Nhật nguyên, có sự bao hàm cả Đạo Phật và Thần đạo. Vì thế, việc hành đạo của cả hai cùng một lúc nhưng không mâu thuẫn với nhau. Sự hòa hợp giữa chúng thể hiện trong triết lí từng tôn giáo. “Thần đạo coi cái chết chỉ là sự kết thúc của một trong vô vàn kiếp hữu hạn, còn Phật giáo cũng luôn nhấn mạnh đến cuộc sống tạm thời của một kiếp trầm luân nơi trần thế” [8, 29]. Vậy nên, vẫn có người theo quan điểm tôn giáo kết hợp giữa Phật giáo và Thần đạo. Quan niệm đạo đức của Thiên trong Phật giáo đã quy định quan niệm người Nhật như việc khẳng định thực tại có cả đúng và sai, thiện, ác và mọi giá trị đạo đức đều là tương đối. Đức hạnh không chỉ tuân giữ giới luật mà còn phải trải nghiệm, thức tỉnh nội tâm mà thành. Như vậy, Thiên tông đã đề cao sự vận động nội tại của bản thể con người tạo nên tính hướng nội. Thiên khi vào Nhật Bản đã lột bỏ tính huyền bí và tính chất trừu tượng, siêu hình. Thiên mang đặc điểm tinh tế, chính xác và đơn giản ở Nhật. Vậy nên, Thiên vừa là nguồn gốc phát sinh cũng là cơ sở của văn học nghệ thuật ở Nhật Bản phát triển. Thực tế cho thấy, “Nghệ thuật Phật giáo ở Nhật Bản, giống như nghệ thuật Thần đạo luôn luôn phản ánh mối quan tâm tới tính tự nhiên và giản dị, mang lại quan niệm rằng đời sống là nghệ thuật sống đẹp và thanh cao” [9, 354]. Bên cạnh đó, quan niệm phi nhị nguyên của Đại thừa về luân hồi và niết bàn biểu hiện dưới dạng cái đẹp trong đời sống thường nhật. Quan niệm về cái đẹp rất đơn giản nhưng rất khó biểu hiện. Chẳng hạn như nét chấm phá trong bức tranh thiên nhiên hoặc trong những bài thơ ngắn. Phật giáo nắm bắt một cảm nhận sâu xa của trải nghiệm niết bàn trong khoảnh khắc ngay giữa đời sống tự nhiên để diễn tả cảm thức về cái vô thường.

Bên cạnh đó, đặc trưng của người Nhật là có đời sống hướng nội, dễ rung động trước vẻ đẹp tự nhiên. Từ xa xưa, họ đã có tín ngưỡng tôn thờ cái đẹp và xem cái đẹp là tiêu chí để đánh giá đạo đức của con người. Trong đời sống nghệ thuật, người Nhật thể hiện có khả năng thẩm mỹ tinh tế, tư duy mỹ thuật độc đáo và tuyệt đối hóa cái đẹp. Theo Nancy G. Hume, quan niệm thẩm mỹ người Nhật có mối quan hệ giữa tôn giáo, mỹ học và văn học là không thể tách rời [10, 23]. Antanas Andrijauskas cũng cho rằng: đặc điểm thời kì Heian đã thúc đẩy quá trình hình thành văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc Nhật Bản. “Sau khi hấp thu nhiều thành tựu của văn hóa vật chất và tinh thần của Ấn Độ, Trung Quốc và Hàn Quốc, người Nhật dần dần trở về với truyền thống dân tộc. Một bước ngoặt quan trọng trong sự phát triển của tư tưởng và nghệ thuật Heian đã xuất hiện cuối thế kỉ thứ IX, khi những sự kết nối chính thức bị gián đoạn với Trung Quốc để trở thành một phần tách biệt của văn hóa Nhật Bản... Vào đầu thế kỉ X, tiếng Nhật bắt đầu thay thế tiếng Hán thể hiện trong ngôn ngữ văn học và cuối cùng chi phối cả văn và thơ. Những xu hướng khác của bản địa hóa thể hiện rất sinh động trong lĩnh vực tôn giáo và tranh thêu, điêu khắc, thi pháp và mỹ thuật ứng dụng” [11, 62]. Khi kinh tế xã hội đang phát triển cao hơn, đời sống xa hoa hưởng lạc dẫn đến đời sống văn hóa cũng được dung dưỡng với âm, kì, thi, họa của giới quý tộc. Đây là “Thời của hòa bình và phát triển các quan niệm thẩm mỹ, thời kì Heian đã thoát ra bùng nổ và chú trọng vào “nghệ thuật cảm thụ”, phát triển “đời sống tình cảm” thay vì đời sống chính trị và luân lí” [1, 56]. Như vậy, mỹ học cổ đại được hình thành trong giai đoạn phát triển đặc biệt của văn hóa, trên cơ sở yếu tố văn hóa bên trong lẫn bên

ngoài Nhật Bản thể hiện đậm đặc qua sự tiếp biến văn hóa nói chung và sự dung hòa tôn giáo và tín ngưỡng nói riêng.

Trong thời kì Heian, tôn giáo và tín ngưỡng bản địa đã có những tác động lớn đối với văn hóa. Theo Lauren Prusinski, hầu hết các tư tưởng Nhật Bản đều bắt nguồn từ tôn giáo bản địa Thần đạo và “vấn đề cốt lõi của nó là sự sùng bái thần thánh đối với thiên nhiên đầy hiểm họa ở đây” [12]. Cũng có quan điểm như trên, theo Oonishi Yoshinori, “Vẻ đẹp của thiên nhiên thời kì Heian được xem là yếu tố gợi nên sự phát triển xúc cảm” [13, 325]. Trong khi Thần đạo cung cấp nền tảng cơ bản cho mỹ học cổ, “đạo phật, đạo lão, đạo không, mật tông, và thiền tông” có “sự định hình và làm giàu thêm với những ý niệm mới, nhưng nguồn cội của mỹ học Nhật Bản được gìn giữ từ những yếu tố cơ bản trong sự ý thức sùng bái tự nhiên” [2, 198]. Theo nhà triết học Izutsu Toshiko, thời kì Heian có đời sống xã hội rất tao nhã và giàu sang nhưng khi thiền tông xuất hiện đã làm biến đổi những giá trị cao sang đó thành những đặc điểm giản dị và mộc mạc hơn. Thực tế là “Thiền đã bổ sung một số đặc tính làm cơ sở cho sự phát triển mỹ học. Các yếu tố tâm linh, sự khổ hạnh, tính thanh nhã và giản dị... sự không cân xứng, không hoàn hảo, và thô mộc trở nên có giá trị cao như di sản của mỹ học khác với sự tôn vinh những ước vọng được tôn thờ trước đây nhằm làm chuẩn hóa những dạng thức của cái đẹp [2, 198]. Dù *aware* và *wabi-sabi* được xem là vẻ đẹp cung đình thời kì Heian, về sau, cả hai vẫn còn đóng vai trò nổi bật trong nghệ thuật Thiền. *Aware* trong thời kì Heian được kết hợp bởi cảm xúc buồn bã và nhận thức về hạnh phúc của cuộc sống ngắn ngủi dưới ánh sáng của Thiền. Như vậy, mỹ học Nhật có sự gắn kết chặt chẽ với lối tư duy truyền thống dân tộc, tinh thần Thần đạo hay tinh thần người Nhật luôn được hun đúc và lắng đọng từ những giá trị lịch sử dài lâu [14, 17-18].

2.2. Đặc trưng về đẹp Nhật Bản giữa dòng chảy văn hóa phương Đông

2.2.1. Vẻ đẹp không hoàn hảo và dồn nén cảm xúc

Cho dù vẫn chảy trong mạch ngầm của tư tưởng phương Đông, quan niệm về cái đẹp của người Nhật có đặc điểm độc đáo riêng. Cái đẹp không chỉ ở đối tượng thẩm mỹ mà còn ở chủ thể thẩm mỹ (người đồng sáng tạo ra cái đẹp) cùng trong mối quan hệ tương tác qua lại. Điều này có thể thấy rõ từ hoàn cảnh sống của cư dân một quốc đảo nằm giữa biển đông và tách biệt với các quốc gia khác. Nơi đây có đất đai cằn cỗi, khí hậu khắc nghiệt và thiên tai diễn ra thường xuyên nhưng người dân luôn vượt lên những hoàn cảnh và truy cầu hạnh phúc. Cả thế giới được thu nhỏ thành tiểu vũ trụ với đất, nước, trời, mây đều trong khu vườn cảnh Bonsai nhỏ bé của người Nhật luôn được bố trí tinh tế và được chăm sóc tỉ mỉ. Vẻ đẹp gợi cảm xúc từ cái nhìn đầu tiên, mang tầm vũ trụ, trong thế giới đầy suy nghiệm về triết lí nhân sinh. Vẻ đẹp của sự vật không hùng vĩ, uy nghi mà thanh nhã, giản đơn, cuốn hút và khơi gợi cảm xúc. Đó cũng chính là vẻ đẹp đặc trưng và cũng là sở trường sáng tạo của người Nhật khi nắm bắt thần thái của sự vật nhằm làm tôn thêm vẻ đẹp đó một cách tự nhiên nhất. Nghệ thuật Nhật Bản không hướng tới sự hoàn thiện mà hướng về cái vô tận, đề cao cái đẹp của sự giản dị, tự nhiên nhất. Cái đẹp có tính thuần khiết và chân thành đến mức tuyệt đối hóa. Đối với nghệ thuật Nhật Bản, cái đẹp cũng là chuẩn tắc và mục tiêu hướng tới cao nhất từ “...truyền thống yêu cái Đẹp, tôn thờ cái Đẹp tới mức duy mỹ của người Nhật” [15, 2]. Vẻ đẹp khuyết thiếu gói trọn trong thuật ngữ cô đọng *wabi-sabi*, chứa đựng sự chân thành, mộc mạc và an yên. Vẻ đẹp mang lại từ sự mất cân xứng, tự nhiên nhưng vẫn rất hài hòa đem đến cảm giác dễ chịu, thư thái và thỏa mãn trong tâm hồn bắt nguồn từ sự trân trọng thế giới của con người.

Đặc tính thẩm mỹ này được gói trọng trong quan niệm thẩm mỹ *wabi-sabi*. *Wabi-Sabi* (*u tịch*) là khái niệm xuất hiện trong *Vạn điệp tập* và đến thời của Basho thì nở rộ. *Sabi* (*shi*) được khắc họa bằng sự tĩnh mịch và cô độc đường như thường xuyên tạo nên sự độc đáo giữa hai yếu tố chủ quan và khách quan. Nghĩa rộng của *Sabi* là cô tịch, cô liêu. Sự cô độc hiện hữu ở mọi chúng sinh và cố tự mình nhẫn nhục, hoặc thậm chí tìm kiếm vẻ đẹp bên trong sự cô độc ấy. Như vậy, hiểu một cách đơn giản là vẻ đẹp được tìm thấy trong sự cô liêu, tàn phai của nhân

thể. Cái đẹp nằm trong cái buồn đang hiển hiện trên đỉnh cô phong. Mĩ cảm mang đậm triết lí trong từng chi tiết của cuộc sống khiêm nhường, không hoàn hảo qua những sự vật gần gũi và hài hòa với thiên nhiên. Từ những đặc tính thẩm mỹ đó, giá trị nghệ thuật mang lại là cảm nhận của con người và xúc cảm dễ chịu của họ trước sự yên bình và tĩnh lặng của cuộc sống. Trước những điều đơn sơ, chân thật và giản dị con người cảm nhận được an yên trong từng khoảnh khắc tâm hồn. Nghệ thuật tạo hình theo *wabi-sabi* là mang lại không gian tự nhiên nhất mang lại cảm giác tự do và thanh thản. Tuy nhiên, sự tự nhiên của nghệ thuật luôn nằm trong dụng công của nghệ sĩ được thể hiện một cách tinh tế. Vẻ đẹp gây hứng thú và xúc cảm sâu sắc đối với người thưởng lãm về sự tối giản ẩn chứa tâm trạng hoài cổ. Vậy nên, phong cách nghệ thuật luôn lắng đọng những tình yêu và tâm huyết của người sáng tạo ra nó. Xúc cảm thẩm mỹ này gắn với triết lí về cuộc đời không có gì là trọn vẹn, phải biết chấp nhận và đừng cố gắng kiếm tìm sự hoàn hảo. Cuộc sống vốn dĩ đã ẩn chứa rất nhiều vẻ đẹp lẫn khuất khiến con người luôn tự đi tìm.

2.2.2. Vẻ đẹp vừa gần gũi vừa cao xa, vừa thiêng liêng vừa trần tục

Không chỉ sáng tạo nên vẻ đẹp, người Nhật thể hiện sự ngưỡng mộ cái đẹp đến mức lí tưởng hóa. Trước vẻ đẹp bí ẩn, thiêng liêng và đầy uy lực, con người vừa sợ hãi vừa muốn dung hòa. “Đối với thiên nhiên, người Nhật đứng trước mối quan hệ nhiều chiều: vừa bình đẳng, gần gũi trong sự giao cảm thuần phác, vừa xa lạ, huyền bí trong niềm thành kính thiêng liêng pha lẫn nỗi hãi hùng trần tục. Cách ứng xử chủ đạo của người Nhật đối với thiên nhiên là cố gắng thích ứng, truy cầu những lợi ích của nó để phục vụ cho mình, không phá vỡ hệ sinh thái, bảo vệ môi trường” [16, 112]. Từ sự trân trọng và bình đẳng với thiên nhiên, người Nhật luôn có ý thức bảo vệ vẻ đẹp của sự hòa hợp tự nhiên đó. “Vẻ đẹp thiên nhiên là sự hiện thân của cái đẹp trong cuộc đời và cái đẹp trong tâm hồn con người. Đó chính là cái nền tư tưởng tạo nên sự gắn kết, hòa hợp giữa nội tâm và ngoại giới, từ đó mà hình thành mối tương giao, tương hợp giữa con người với thiên nhiên” [17, 41]. Như vậy, cái đẹp không chỉ có ở vẻ đẹp tự nhiên vốn có, mà còn ở tâm hồn biết cảm thụ cái đẹp. Trong nghệ thuật, thiên nhiên cũng là đối tượng biểu trưng vẻ đẹp nguyên sơ và thuần khiết, cao siêu và cũng rất gần gũi với con người. Theo Nhật Chiêu, “Văn hóa Nhật Bản thiên về tình cảm và cái đẹp. Cảm thức hầu như được đưa lên hàng đầu. Người ta đánh giá một ai đó không chỉ dựa vào tài năng mà còn xét đến tiêu thức, nghĩa là sự biểu hiện cái đẹp ngay ở con người” [2, 66].

Những cảm xúc tương thông giữa con người, tự nhiên và vũ trụ luôn trong cảm xúc *yugen* (*u huyền*) mang tính thần bí, thâm sâu, tĩnh lặng, biến chuyển và buồn thương. Hầu như không có định nghĩa nào giải thích hết các lớp nghĩa của thuật ngữ này. Từ *yugen* xuất hiện đầu tiên trong các tác phẩm viết về triết học của Trung Hoa, nó có nghĩa là mơ hồ, thần bí. Trong cuốn *Hojoki*, tác giả Komo no Chomei đã cho rằng *yugen* là mối quan tâm đầu tiên của ông. “Nó như một buổi sáng mùa thu bao la, thanh vắng và tĩnh mịch, chúng ta mơ tưởng lại và tự nhiên không kìm nén được những giọt lệ tuôn trào. Những cách hiểu khác đều đề cập đến khả năng tưởng tượng rất quan trọng. Ví như khi ngắm một ngọn núi trong sương mờ thì cảnh vật rất mờ ảo, mơ hồ chưa thể đoán định ra kích thước của nó cao rộng bao nhiêu. Hay dù cho có thể nhìn thấy những chiếc lá thu trong sương, thì cảnh vật rất quyến rũ. Phong cảnh và khung cảnh vô hạn tạo nên cho chúng ta sự tưởng tượng phong phú, thú vị hơn và bất cứ cái gì cũng có thể rõ ràng hơn trong sự tưởng tượng đó. Như vậy, *yugen* dùng để chỉ cái sâu thẳm huyền bí của vạn vật” [18]. Sự thần bí của tự nhiên chỉ có thể biểu hiện được qua những hình ảnh mang tính khơi gợi. Mỗi hình ảnh nghệ thuật càng đơn giản và cô đọng thì hiệu ứng cảm xúc thẩm mỹ càng cao. *Yugen* cũng dùng để chỉ cái đẹp tuyệt đỉnh là cái mong manh, ngắn ngủi và phù du. Cho nên, vẻ đẹp ấy rất gần gũi, đời thường mà cũng trở nên thiêng liêng và khó nắm bắt.

2.2.3. Sự bấp bênh của cái đẹp

Theo quan niệm của người Nhật, vẻ đẹp thể hiện trong sự hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa sự tồn tại và không tồn tại. Thực tế là, từ những bất ổn của ngoại giới, người Nhật luôn tạo tâm thế ứng xử với tự nhiên và con người theo cách riêng độc đáo. Họ quan niệm mọi vật hợp rồi tan, còn và mất. Vẻ đẹp có thể tồn tại mãi trong lòng người nhưng hình hài của nó sớm tàn phai theo thời gian. Trước sự chia lìa đó, con người luôn tiếc nuối, luyện thương và như muốn níu kéo khoảnh khắc đẹp đẽ. Cũng vì thế, tâm thế của họ luôn sẵn sàng chấp nhận quy luật hằng thường và bình tâm, tự tại, sống hết mình với hiện tại. Từ thực tế ứng xử thường ngày cho thấy, người Nhật luôn sống theo nguyên tắc dung hòa giữa những giá trị văn hóa với các mối quan hệ xã hội ràng buộc khác. Cho nên, một dân tộc dù bị ảnh hưởng mạnh mẽ văn hóa bên ngoài từ rất sớm nhưng nền văn hóa Nhật Bản vẫn giữ được mối liên hệ cơ bản với cội nguồn văn hóa truyền thống ngàn đời.

Thông qua *Nhật Bản thư kí (Nihongi)* những huyền thoại đầu tiên của người Nhật được ghi chép đầy đủ về quá trình lập quốc, giải thích nguồn gốc thế giới và bảy thế hệ đầu tiên của thần thánh. Thông qua đó, có thể thấy thế giới quan của người Nhật được bắt đầu từ thời tiền sử. Khi giải thích nguồn gốc loài người, tác phẩm đã cho rằng người sinh ra là con cháu của thần Nihigi, cháu trai của nữ thần mặt trời Amaterasu với công chúa Hoa, con gái của Sơn thần. Vì là con cháu của Hoa nên số kiếp của con người sớm nở tối tàn mong manh như hoa. Từ đó cho thấy, người Nhật có những dự cảm về sự tồn tại ngắn ngủi của con người, vạn vật và cái đẹp. Cho đến tập thơ *Vạn điệp tập* có tính trữ tình cao tập trung vào tình yêu trong sự hòa quyện giữa xúc cảm con người hòa giao với thiên nhiên, chú trọng biểu hiện sự chân thành (makoto) của cảm xúc. Đối với thiên nhiên, xúc cảm của con người thường thể hiện sự ngưỡng mộ, tôn thờ và đồng cảm. Chính vì thế, con người thường băng khuông trước vẻ đẹp của thiên nhiên phù du tại thế. Bên cạnh đó, thể thơ tanka được sử dụng trong *Vạn điệp tập* có đặc điểm dư tình (yojo) và nữ tính rất rõ. Thơ tanka gợi những xúc cảm nhẹ nhàng, dịu dàng và xao xuyến. Trong tập thơ, những cảm giác của con người trải nghiệm thể hiện trong thơ với nhiều tình huống rất đặc biệt trước cái chết, trước những tình huống ngang trái của cuộc tình và vẻ đẹp thâm u của thiên nhiên. Tất cả mang lại âm hưởng u buồn, điệu vội phảng phất những nỗi sâu muộn khôn tả trước thời thế, nhân sinh.

Cho đến thời Heian, xã hội Nhật bản phát triển trong hòa bình và thịnh vượng gần 4 thế kỉ. Trong tập thơ *Cổ kim tập (Kokinshu)*, chủ đề tình yêu được phản ánh chủ yếu trong nỗi u buồn bởi những bất trắc trước một sự hội ngộ, nỗi đau của sự chia ly hay bất giác buồn vì kết thúc tình yêu. Cảm xúc bao trùm của con người đứng trước thời gian chuyển mùa ngắn ngủi, không gian trở nên mênh mông và đời người trở nên hữu hạn. Những thay đổi của con người và thiên nhiên mang đến cảm xúc ngỡ ngàng, bẽ bàng và thoáng buồn trước nhân sinh. Xúc cảm thâm mĩ thời kì Heian ẩn chứa trong tiếng gọi sâu muộn xuyên suốt cả tập thơ. Sự bấp bênh của cái Đẹp còn nằm trong số phận nhuộm sắc màu tôn giáo, mang đậm giá trị ẩn vô thường của đạo Phật. Đây là pháp ấn thứ nhất trong tam pháp ấn của giáo lí Đại thừa tập trung vào cảm thức thâm mĩ *aware*. Mĩ cảm là xúc cảm thâm mĩ đặc trưng và bao trùm, không chỉ thể hiện sự thương cảm cái đẹp mà còn là sự hòa điệu của cảm xúc con người với cái đẹp tạo hóa. Theo Andrijauskas, trong thời kì Heian, *aware* đã trở thành nổi bật và chứa đựng “khả năng nhận thức và phát hiện sự quyến rũ độc đáo của thế giới ẩn chứa bên trong của sự vật hiện tượng, khám phá chính người thương cảm qua sự nhận thức về sự vật, từ đó thể hiện sự đồng cảm với những vẻ đẹp huyền bí” và “Người Nhật không đơn giản tô màu và rung động hay kéo dài những hạnh phúc, còn hơn thế, họ dường như nhận ra vẻ đẹp tồn tại trong chốc lát, sự hiểu biết đầy đủ về khoảnh khắc vô định cái mà đi cùng với sự xa hoa. Cảm giác vẻ đẹp nhất thời này và sự u sầu có thể chạm tới được khi du khách ngắm Kinkuji trong một ngày mưa” [2, 199-220]. Ngoài ra, “Nếu tôi được hỏi về tinh thần người Nhật là gì tôi sẽ nói đó là những bông hoa anh đào hoang dã nở rục rở

trong ánh nắng ban mai đã trở thành hình ảnh ẩn dụ cho tính chất vô thường của cuộc sống trong văn hóa Nhật Bản, sự trân trọng sự lộng lẫy và vẻ đẹp ngắn ngủi và là cảm hứng cho nhiều tranh vẽ, thơ ca và âm nhạc” [19, 113]. Có thể cho rằng, xúc cảm nhất thời và trải qua quá trình phát triển suy lí từ bên trong, dưới sự ảnh hưởng sâu rộng của ngoại giới. Xúc cảm thẩm mỹ là kết quả của quá trình vận động của nhận thức về nguồn gốc con người và vũ trụ thần bí trong giai đoạn khoa học kĩ thuật chưa tìm ra những lí giải về vũ trụ và siêu nhiên. Trong quan niệm của người Nhật là vẻ đẹp nhuốm màu sắc tôn giáo Thần đạo và sự hòa hợp tín ngưỡng Thần-Phật. Vẻ đẹp không chỉ vẻ bên ngoài mà còn tồn tại trong dạng thức sinh động hơn là ở xúc cảm bên trong. Cái Đẹp có sự cuốn hút mãnh liệt từ sự chân thành và ngay thẳng, tao nhã và thiện tâm. Người Nhật đã đưa ra một quy tắc về con tim nhằm hướng đến đời sống đẹp như thế giới của các vị thần trong mối quan hệ hòa hợp giữa con người và tự nhiên.

3. Kết luận

Từ thời cổ đại, quan niệm thẩm mỹ của người Nhật Bản đã có sự gặp gỡ với vẻ đẹp phương Đông trong sự hài hòa, tự nhiên và chú trọng vẻ đẹp tâm thiện của mối quan hệ nhân nghĩa giữa con người với con người. Quan niệm thẩm mỹ của người Nhật có sự khác biệt rõ nét so với Trung Hoa và Ấn Độ. Không có vẻ đẹp mang tính phồn thực và thần linh hóa như người Ấn và vẻ đẹp quá toàn vẹn của người Trung Hoa, người Nhật có xu hướng tuyệt đối hóa cái đẹp đến mức duy mỹ và coi trọng cảm xúc thẩm mỹ hơn là đối tượng thẩm mỹ. Do đó, vẻ đẹp thường được phản ánh qua các đặc điểm tự nhiên, giản đơn và mang tính tượng trưng cao. Vẻ đẹp không tròn đầy mà khuyết thiếu gắn với sự hân hoan lẫn nỗi buồn phảng phất. Người Nhật cũng coi trọng vẻ đẹp bản năng của con người như là biểu hiện vẻ đẹp cuộc sống. Nó gợi cảm xúc và khoái cảm thẩm mỹ chứ không gợi dục vọng. Họ đề cao cái đẹp linh thiêng nhưng không thần thánh hóa đến mức thần bí. Vẻ đẹp trong sự giản đơn của Thần đạo gợi nên sự tự nhiên và chân thành hơn là hùng vĩ và cao sang chói lọi. Người Nhật hướng đến những giá trị của sự tồn tại cái đẹp, đặt cái đẹp trong sự chuyển động hay vẻ đẹp nhất thời mang đậm dấu ấn Phật giáo về cõi vô thường.

Việc nghiên cứu cái đẹp Nhật Bản là quá trình làm rõ quan hệ ứng xử thẩm mỹ và nhân sinh quan cũng như thế giới quan của con người trước cuộc đời đang đổi thay. Quan niệm về cái đẹp của người Nhật là kết tinh các giá trị văn hóa của dân tộc Nhật Bản, đặc biệt là đời sống tâm hồn của họ. Bằng việc xác định cái đẹp thông qua những phạm trù thẩm mỹ cụ thể, người Nhật thể hiện sự nhận biết về đẹp của tự nhiên không có tính đặc thù trong bất cứ xã hội nào khác, đặc biệt là trong hoàn cảnh biến động của những sắc màu đô thị mới của vùng đất xa hoa cổ Heian. Nhật Bản luôn là quốc gia chú trọng vào cái đẹp làm trung tâm trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật như thơ, thư pháp, lễ nghi và trong cuộc sống của họ và kiến trúc. Từ thời cổ đại, với cách nhìn sâu sắc về sự vật hiện tượng, người Nhật đã có những biến đổi theo bản nguồn tự nhiên với những gì nổi bật và độc đáo nhất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lauren Prusinski, 2013. *Wabi-Sabi, Mono no Aware, and Ma: Trace of Aesthetics through History*. Valparaiso University, Indiana, <http://scholar.valpo.edu>. Ngày truy cập 14/4/2021
- [2] Andrijauskas, Antanas, 2003. *Specific Features of Traditional Japanese Medieval Aesthetics*. Centre of Universalism, Warsaw University, pp.199-220.
- [3] Toshihiko, Toyo Izutsu, 1981. *The Theory of Beauty in the Classical Aesthetics of Japan*. Tokyo, Japan.
- [4] Masaharu Anesaki, 1933. *Art, life and Nature in Japan*. Marhall Jones Boston, US, pp.56.

- [5] Nhật Chiêu, 2003. *Văn học Nhật Bản từ khởi thủy đến 1868*. Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.7-15.
- [6] Donald Richie, 2007. *A Tractate on Japanese Aesthetics*. Stone Bridge Press, US.
- [7] Donald Keene, 1999. *Seeds in the Heart: Japanese Literature from Earliest Times to the Late Sixteenth Century*. Clumbia University Press, US.
- [8] Phạm Hồng Thái, 2002. “Tính hiện thể và lạc quan trong tư tưởng Thần đạo Nhật Bản”. *Tạp chí Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á* (1), tr.39-42.
- [9] George Sansom, 1993. *Lịch sử Nhật Bản*, Tập 1. Nxb Xí nghiệp in Thủy Lợi, Hà Nội.
- [10] Nancy G.Hume, 1995. *Japanese Aesthetics and Culture*. University of New York, US.
- [11] Masaharu Anesaki, 1933. *Art, life and Nature in Japan*. Marhall Jones Boston, US, pp.56.
- [12] Michael F.Marra, 2002. *Japanese Hermeneutics: Current Debates on Aesthetics and Interpretations*. Hawaii University, US, pp.325.
- [13] Toshihiko, Toyo Izutsu, 1981. *The Theory of Beauty in the Classical Aesthetics of Japan*, Tokyo, pp.198.
- [14] Sueki Fumihiko (Phạm Thu Giang dịch), 2011. *Lịch sử tôn giáo Nhật Bản*. Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.17,19.
- [15] Đào Thị Thu Hằng, 2005. *Yasunari Kawabata tuyển tập tác phẩm*. Nxb Lao động, Hà Nội, tr.2.
- [16] Shuichi Kato (Trần Hải Yến dịch), (2005). *Lịch sử văn học Nhật Bản*. Viện Văn học, Hà Nội, tr.112.
- [17] Standford Encyclopedia of Philosophy. *Japanese Aesthetics* <http://plato.stanford.edu>, Ngày truy cập 13/5/2021.
- [18] Nguyễn Kim Lai, 2005. “Về sự hòa hợp giữa Thần đạo và đạo Phật ở Nhật Bản”. *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á* (2), tr.41.
- [19] Motori Norinaga (Michael F. Marra dịch), 2007. *The poetics of Motoori Norinaga A Hermeneutical Journey*. University of Hawaii Press, US.

ABSTRACT

Characteristics of traditional Japanese Aesthetics from the View of Orient Classical Aesthetics

Hoang Thi My Nhi

Institute for Southeast Asian Studies, Vietnam Academy of Social Sciences

Japanese aesthetics was formed very early, and had absorbed classical Oriental thought with its own speciality. Since ancient times, aesthetic concepts had appeared and always played an important role in shaping the Japanese artists' style of composition and Japanese cultural life, and particularly flourished in Heian period. These aesthetics norms had paved the way for the later development of a unique and rich Japanese aesthetic system. The paper aims to clarify the role of Oriental philosophy, religion and ideology, as well as the ingenious continuation of the Japanese in forming a unique aesthetics of the nation. Besides, the article analyzes the characteristics of beauty such as deficiencies and emotional suppression, intimacy and lofty, sacred and worldly, and fragile fate. Based on those analyses, the paper explains the relationships between Japanese aesthetics and other typical aesthetics such as China and India. The research results will be the theoretical basis contributing to deciphering the characteristics of Japanese culture viewing from a traditional perspective.

Keyword: Aesthetic, beauty, Japan, Orient aesthetics.